KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	3,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	3.4%	-

DT thuần — *2024*: **12.8** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 10.7 ▼ 45.4%

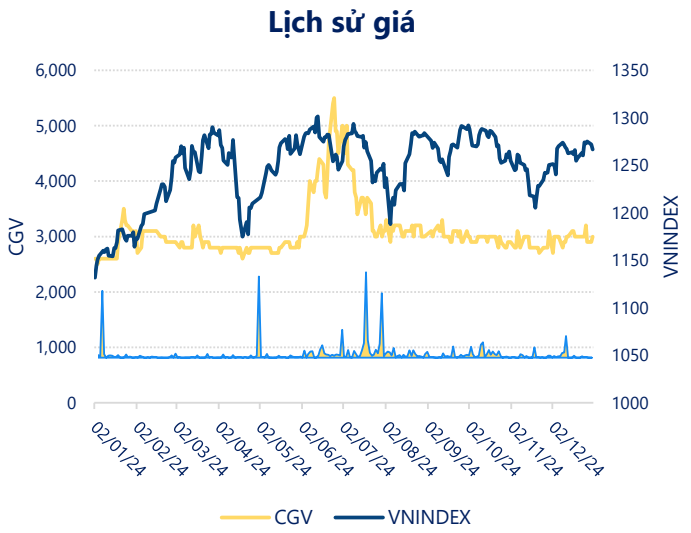
LN gộp — *2024*: **4.32** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 0.14 ▲ 3.3%

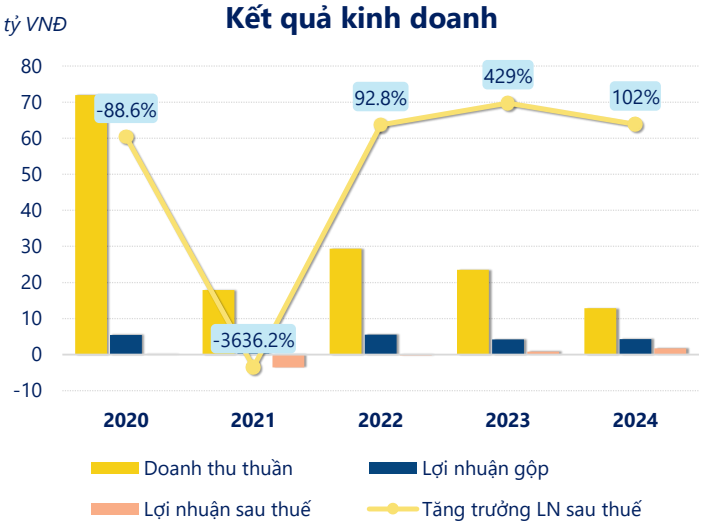
LN thuần — *2024*: **1.69** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 0.91 ▲ 116%

LN sau thuế — *2024*: **1.70** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 0.86 ▲ 102%

ROE — 2024: **2.1%** — +/- YoY ▲ 1.0%

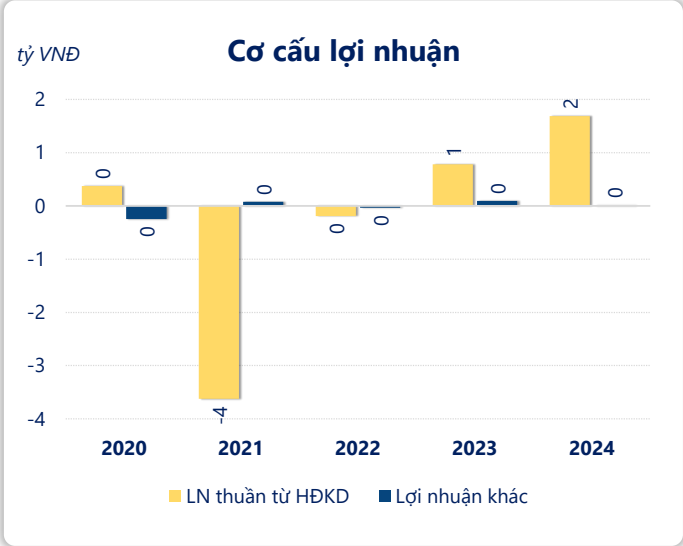
ROA — 2024: **1.7%** — +/- YoY ▲ 0.9%

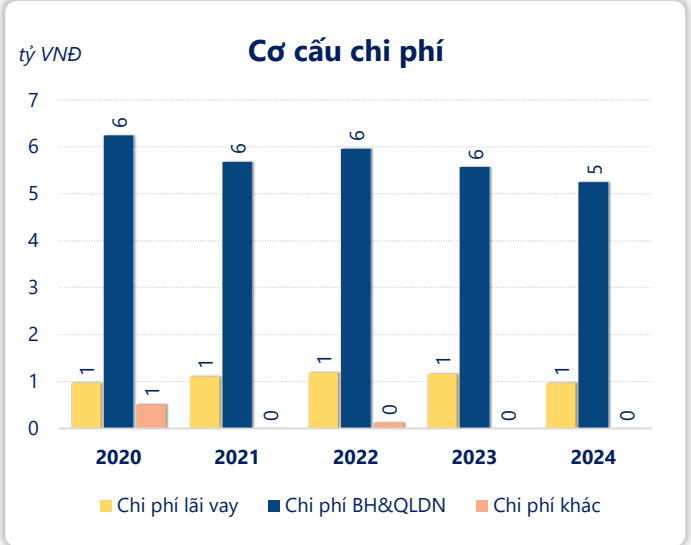




Năm **2024**, **CGV** ghi nhận doanh thu thuần **12.83** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **1.70** tỷ đồng, lần lượt **giảm 45.4%** và **tăng 102%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

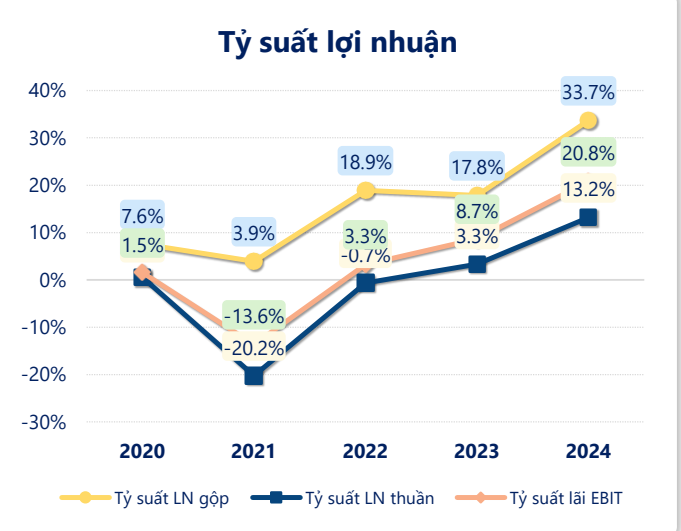


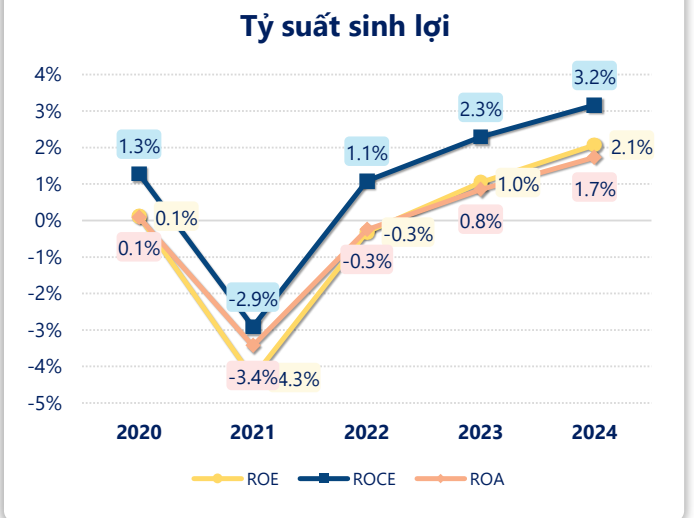


Năm **2024**, **CGV** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **1.69** tỷ đồng, **tăng lên 0.91** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (-0.19 tỷ đồng) là 1.88 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

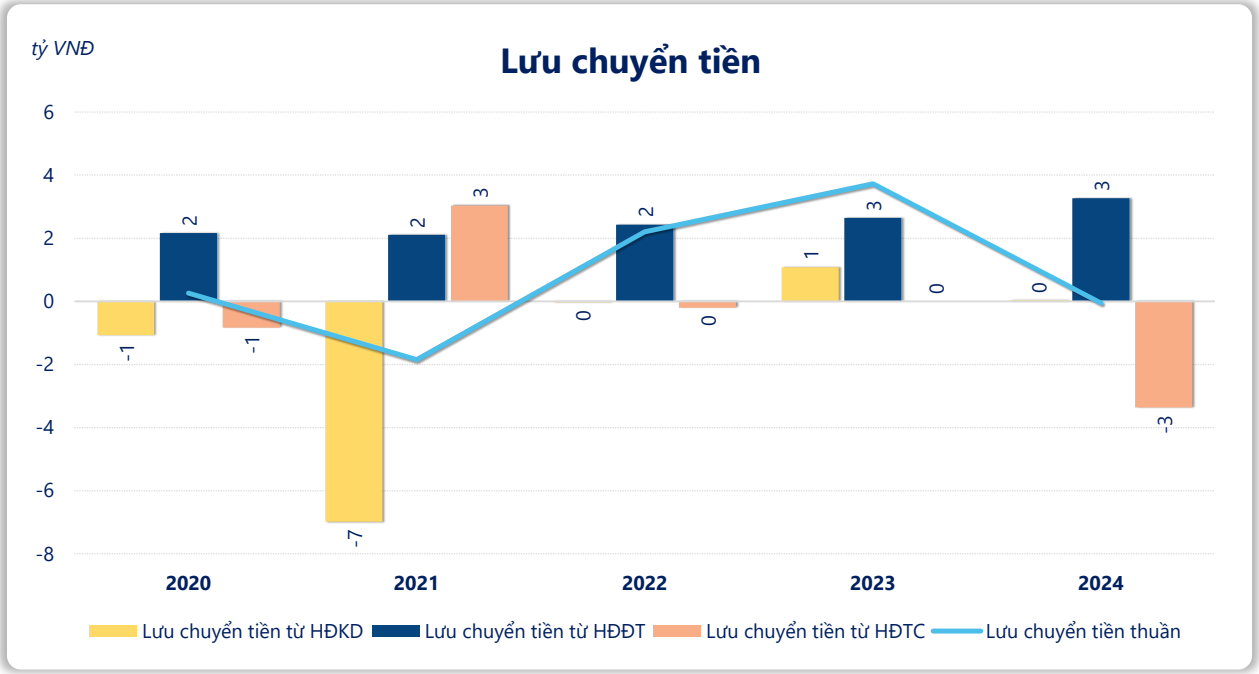
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.97** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **5.25** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.00** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của CGV năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **2.07%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**71.9**	**17.9**	**29.4**	**23.5**	**12.8**
Giá vốn hàng bán	66.5	17.2	23.8	19.3	8.51
Lợi nhuận gộp	**5.44**	**0.70**	**5.56**	**4.18**	**4.32**
Doanh thu HĐTC	2.16	2.47	1.40	3.34	3.28
Chi phí TC	0.98	1.11	1.19	1.17	0.66
Chi phí lãi vay	**0.97**	**1.11**	**1.19**	**1.16**	**0.97**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.28	0.40	0.44	0.16	0.19
Chi phí QLDN	5.96	5.28	5.52	5.41	5.05
LN thuần từ HĐKD	**0.38**	**-3.63**	**-0.19**	**0.78**	**1.69**
Lợi nhuận khác	-0.25	0.07	-0.04	0.09	0.01
LN trước thuế	**0.13**	**-3.55**	**-0.23**	**0.87**	**1.70**
Lợi nhuận sau thuế	**0.10**	**-3.55**	**-0.26**	**0.84**	**1.70**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.10**	**-3.55**	**-0.26**	**0.84**	**1.70**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của CGV bằng **-0.05** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (3.73 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **0.03** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **3.27** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-3.36** tỷ đồng.